

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/KDTM-PT

Ngày 06 - 9 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường

2. Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2019/TLPT-KDTM, ngày 28/5/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 13/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở: số 02 Láng H - Quận B – Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk (Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng N), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tống Ngọc N, vắng mặt;

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị H; địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Tổng Thị Thanh M, có mặt;
- 3.2. Bà Tổng Thị Y, có mặt;
- 3.4. Ông Nguyễn Khắc K, có mặt;
- 3.5. Chị Tổng Khánh L, vắng mặt;
- 3.6. Chị Nguyễn Thị H, vắng mặt;
- 3.7. Chị Nguyễn Thị B, vắng mặt;
- 3.8. Anh Nguyễn Văn N, vắng mặt;

Cùng trú tại: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tổng Thị Thanh M, bà Tổng Thị Y, ông Nguyễn Khắc K có bà Lê Thị H, có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tổng Thị Thanh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 24/11/2016, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:**

Năm 2012 vợ chồng ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M có vay Ngân hàng N°&PTNT Việt Nam, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk số tiền 1.300.000.000 đồng, đến hạn vợ chồng ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M đã thanh toán xong cả gốc và lãi đối với khoản nợ này.

Ngày 15/3/2013 ông Tổng Ngọc N và Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk ký kết hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD, theo hợp đồng ông Tổng Ngọc N vay số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Kinh doanh tạp hóa. Tài sản để đảm bảo cho khoản vay gồm 02 hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay 700.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh, ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M thế chấp tài sản theo hợp đồng số 213/TC, ngày 06/3/2012 gồm 06 quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Giấy CNQSD đất số AM 255773, thửa đất số 163, tờ bản đồ số 09 diện tích 360 m²;

- Giấy CNQSD đất số AM 119418, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 08 diện tích 4.930 m².

- Giấy CNQSD đất số AN 380240, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 50 diện tích 15.620 m².

- Giấy CNQSD GCNQSD đất số AM 119419, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 07 diện tích 6.620 m².

- Giấy CNQSD đất số AM 119420, thửa đất số 138, tờ bản đồ số 08 diện tích 2.830 m².

- Giấy CNQSD đất số X 775323, thửa đất số 50a, tờ bản đồ số 50 diện tích 8.500 m².

Để đảm bảo cho khoản vay gốc 600.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng giữa ông Tống Ngọc N với Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk thì ông Nguyễn Khắc K, bà Tống Thị Y thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba, hợp đồng số 213A/TC ngày 05/3/2012, gồm 04 quyền sử dụng đất tọa lạc xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Giấy CNQSD đất số R 487663, thửa đất số 112a, tờ bản đồ số 48 diện tích 455 m².

- Giấy CNQSD đất số AM 119415, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 diện tích 825 m².

- Giấy CNQSD đất số AM 294364, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 09 diện tích 260 m².

- Giấy CNQSD đất số AN 380241, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 50 diện tích 14.520 m².

Khi đến hạn trả nợ, do gặp khó khăn trong kinh doanh nên ông Nam đã đề nghị gia hạn nợ gốc và lãi theo hợp đồng, Ngân hàng đồng ý với yêu cầu gia hạn của ông Nam. Ngày 30/3/2015, ông Nam đã trả cho Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc, từ đó đến nay ông Nam chưa thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tống Ngọc N phải trả cho Ngân hàng N, tổng số tiền nợ là 3.135.153.472 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.450.000.000 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 04/4/2019 là 1.685.153.472 đồng và ông N phải chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 05/4/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013.

Trường hợp ông Tống Ngọc N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 213/TC, ngày 06/3/2012 tương ứng với nghĩa vụ trả nợ của ông N là 1.842.228.472 đồng, trong đó: Nợ gốc 850.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 04/4/2019 là 922.228.472 đồng, và chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 05/4/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013.

Trường hợp ông Tống Ngọc N không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần nợ vay thì yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Khắc K, bà Tống Thị Y phải thanh toán thay ông Tống Ngọc N đối với số tiền 1.292.925.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 600.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 04/4/2019 là 692.925.000 đồng (lãi trong hạn 317.850.000 đồng + lãi quá hạn 158.925.000 đồng), và toàn

bộ nợ lãi phát sinh trên nợ gốc 600.000.000 đồng, tính từ ngày 05/4/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ. Nếu ông Nguyễn Khắc K, bà Tống Thị Y không trả được khoản nợ đã bảo đảm cho ông N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý hợp đồng thế chấp số 213A/TC ngày 05/3/2012 để thu hồi khoản nợ 1.292.925.000 đồng và toàn bộ nợ lãi phát sinh trên nợ gốc 600.000.000 đồng tính từ ngày 05/4/2019 cho đến khi trả xong.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tống Ngọc N có bà Lê Thị H trình bày:**

Do nhu cầu vay vốn, nên vào năm 2012 vợ chồng ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 1.300.000.000 đồng, khoản vay được đảm bảo bằng hai hợp đồng thế chấp: Hợp đồng số 213/TC, ngày 06/3/2012 giữa bên thế chấp ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M với bên nhận thế chấp Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk gồm 06 quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đảm bảo cho khoản vay 700.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh; Hợp đồng số 213A/TC ngày 05/3/2012, gồm 04 quyền sử dụng đất tọa lạc xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giữa ông Nguyễn Khắc K, bà Tống Thị Y với bên nhận thế chấp Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk, để đảm bảo cho khoản vay gốc 600.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng giữa ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M ký kết với Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk.

Vào năm 2013, ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M đã trả xong khoản vay theo hợp đồng tín dụng năm 2012 cả gốc và lãi.

Ngày 15/3/2013 một mình ông Tống Ngọc N có ký hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD với Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 1.500.000.000 đồng, nhưng ông Nguyễn Văn T là cán bộ tín dụng của Ngân hàng điện thoại gọi ông Nam đến Ngân hàng H, tại Ngân hàng, ông T đưa cho ông N tập hồ sơ vay vốn và yêu cầu ông N ký. Nhưng sau đó ông N chưa nhận được tiền giải ngân của Ngân hàng cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng khởi kiện khoản vay theo hợp đồng đã ký, ông N đồng ý trả khoản nợ vì ông N đã ký vào hợp đồng tín dụng; đối với yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp theo hợp đồng số 213/TC, ngày 06/3/2012 của khoản nợ vay thì ông N không đồng ý xử lý phần tài sản của vợ chồng ông N, vì hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013 không có tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk phải trả số tiền 50.000.000 đồng đã nộp tại Ngân hàng.

*** Đại diện theo ủy quyền của bà Tống Thị Thanh M là bà Lê Thị H trình bày:**

Bà Tổng Thị Thanh M thừa nhận vào năm 2012 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh H vay số tiền 1.300.000.000 đồng, và có ký vào hợp đồng thế chấp số 213/TC, ngày 06/3/2012 để đảm bảo cho khoản nợ 700.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, sau khi trả nợ xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết năm 2012 thì bà M không ký vào hợp đồng tín dụng ngày 15/3/2013, cũng không biết ông N ký hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD, ngày 15/3/2013 vay số tiền 1.500.000.000 đồng và không biết ông N sử dụng số tiền vay này vào mục đích gì. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện buộc ông N trả nợ bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

Đối với yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp 213/TC ngày 06/3/2012 của Ngân hàng bà M không đồng ý vì hợp đồng này bà M và ông N chỉ ký bảo đảm cho hợp đồng tín dụng năm 2012, nên bà không đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản để thu hồi nợ của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà M rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk phải trả số tiền 50.000.000 đồng đã nộp tại Ngân hàng.

*** Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y là bà Lê Thị H trình bày:**

Ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 213A/TC, ngày 05/3/2012. Tuy nhiên, ông K và bà Y chỉ ký bảo đảm cho ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M vay theo hợp đồng tín dụng vào năm 2012, ngoài ra không bảo đảm cho bất cứ khoản nợ nào khác của ông Tống Ngọc N. Vì vậy, ông K, bà Y không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc phải trả số nợ gốc 600.000.000 đồng và lãi phát sinh thay cho ông N, cũng như không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp số 213A/TC, ngày 05/3/2012. Ông Nguyễn Khắc K, bà Tống Thị Y không có yêu cầu độc lập trong vụ án; ông K, bà Y sẽ khởi kiện một vụ án khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tống Khánh L trình bày:**

Việc ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M là bố mẹ đẻ của chị L thế chấp các quyền sử dụng đất mang tên hộ mà chưa có sự đồng ý của chị là không đúng quy định, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và chị L không có yêu cầu độc lập.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:**

Việc ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y là bố mẹ đẻ của chị H, chị B, anh N thế chấp các quyền sử dụng đất mang tên hộ để đảm bảo cho khoản vay của ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M mà chưa có sự đồng ý của chị H, chị B, anh N là không đúng quy định, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh chị. Nay anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu độc lập.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Tổng Ngọc N phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền **3.135.153.472 đồng** (Ba tỷ một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc **1.450.000.000 đồng** (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi **1.685.153.472 đồng** (Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng) lãi tính đến ngày 04/4/2019 và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 05/4/2019 cho đến khi ông Tổng Ngọc N trả xong khoản nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng N, về việc buộc ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y phải thanh toán thay ông Tổng Ngọc N, số tiền 1.292.925.000 đ (Một tỷ hai trăm chín mươi hai triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), nợ lãi 692.925.000đ (sáu trăm chín mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tính đến ngày 04/4/2019.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N, về việc xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp số 213A/TC ngày 05/3/2012 giữa ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y để thu hồi khoản nợ của ông Tổng Ngọc N theo hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Tổng Ngọc N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý phần tài sản của ông Tổng Ngọc N trong khối tài sản chung với bà Tổng Thị Thanh M đã thế chấp theo hợp đồng số 213/TC, ngày 06/3/2012 gồm: Giấy CNQSD đất số AM 255773, thửa đất số 163, tờ bản đồ số 09 diện tích 360 m²; Giấy CNQSD đất số AM 119418, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 08 diện tích 4.930 m²; Giấy CNQSD đất số AN 380240, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 50 diện tích 15.620 m²; Giấy CNQSD đất số AM 119419, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 07 diện tích 6.620 m²; Giấy CNQSD đất số AM 119420, thửa đất số 138, tờ bản đồ số 08 diện tích 2.830 m²; Giấy CNQSD đất số X 775323, thửa đất số 50a, tờ bản đồ số 50 diện tích 8.500 m²; để thu hồi khoản nợ có bảo đảm là 1.506.137.508 đ (một tỷ năm trăm linh sáu triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm linh tám đồng), trong đó: nợ gốc 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng); nợ lãi (lãi trong hạn 573.202.777 đồng + lãi quá hạn 232.934.721 đồng) và tính lãi từ ngày 05/4/2019 trên dư nợ gốc cho đến khi ông Tổng Ngọc N trả xong khoản nợ.

Trường hợp ông Tổng Ngọc N thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng N mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng N phải trả cho ông Tổng Ngọc N bà Tổng Thị Thanh M các giấy tờ pháp lý của tài sản thế chấp là giấy CNQSD đất số AM 255773; Giấy CNQSD đất số AM 119418; giấy CNQSD đất số AN 380240; giấy CNQSD đất số AM 119419; giấy CNQSD đất số AM 119420; giấy CNQSD đất số X 775323 đối với các quyền sử dụng đất trên.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M đối với yêu cầu Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk trả lại số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) đã thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/4/2019 (theo dấu Bưu điện), nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng buộc ông Tổng Ngọc N thanh toán khoản nợ 700.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh và buộc ông Khải bà Yến thanh toán khoản nợ 600.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh; nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản năm 2012.

- Ngày 18/4/2019, bị đơn ông Tổng Ngọc N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Tổng Ngọc N và Tổng Thị Thanh M không có giá trị pháp lý nên không xử lý tài sản thế chấp, vì đó là tài sản chung của ông với bà Tổng Thị Thanh M, trường hợp không chấp nhận yêu cầu nêu trên thì ông chỉ đồng ý xử lý tài sản thế chấp trong phạm vi giá trị tài sản của ông là

350.000.000 đồng.

- Ngày 18/4/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tổng Thị Thanh M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không xử lý tài sản đã thế chấp của vợ chồng, vì đó là tài sản chung của vợ chồng nhưng khi vay tiền Ngân hàng chỉ có một mình ông Tống Ngọc N thực hiện, đồng thời cả ông N, bà M cũng không ký vào hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn ông Tống Ngọc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị Thanh M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Tống Ngọc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tống Thị Thanh M và không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk để sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo hướng chỉ buộc ông N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng, không xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông N, bà M và tài sản của vợ chồng ông K, bà Y; đồng thời không buộc vợ chồng ông K, bà Y trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định và có đóng tiền tạm ứng án phí, nên hợp lệ cần chấp nhận.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các bên đương sự đều thừa nhận vào năm 2012, vợ chồng ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh H và ký hợp đồng thế chấp số 213/TC, ngày 06/3/2012. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng năm 2012 bị thất lạc nên phía Ngân hàng không cung cấp được cho Tòa án, khi đến hạn khoản vay 1.300.000.000 đồng này ông Nam và bà Mai đã trả nợ xong cho Ngân hàng cả tiền gốc và lãi. Ngày 15/3/2013, một mình ông Tống Ngọc N ký hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD để vay Ngân hàng số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất

14%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã trả được 50.000.000 đồng nợ gốc, còn lại 1.450.000.000 đồng nợ gốc chưa trả và số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 04/4/2019 là 1.685.153.472 đồng. Việc ông N vay khoản tiền 1.500.000.000 ngày 15/3/2013 thì bà Tổng Thị Thanh M không biết và ông N không mang về số tiền này để sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tổng Ngọc N phải trả tổng số tiền 3.135.153.472 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.450.000.000 đồng, nợ lãi 1.685.153.472 đồng lãi tính đến ngày 04/4/2019 và buộc ông N phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 5/4/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013 đã ký và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Đồng thời, các đương sự cũng không ai kháng cáo về số nợ và nghĩa vụ trả nợ nên quyết định này của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn là Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk, bị đơn Tổng Ngọc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tổng Thị Thanh M thấy rằng: Vào năm 2012 ông N, bà M có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 1.300.000.000 đồng, với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 14%/năm. Để bảo đảm cho khoản vay này, ông Nam, bà Mai đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 213/TC, ngày 06/3/2012 là 06 quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay 700.000.000 đồng và được người thứ ba ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y ký hợp đồng thế chấp số 213A/TC, ngày 05/3/2012 bảo lãnh cho khoản vay 600.000.000 đồng bằng 04 quyền sử dụng đất. Khi khoản vay ngày 05/3/2012 là 1.300.000.000 đồng đến hạn thì ông N, bà M đã thanh toán xong khoản nợ này cả gốc và số tiền lãi theo quy định cho Ngân hàng. Đến ngày 15/3/2013 một mình ông N tiếp tục ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Theo người đại diện của Ngân hàng trình bày thì ông N, bà M tiếp tục thế chấp tài sản đã ký hợp đồng thế chấp theo hợp đồng số 213/TC, ngày 06/3/2012 là 06 quyền sử dụng đất và kèm theo phụ lục hợp đồng ký ngày 15/3/2013 để đảm bảo cho khoản vay 700.000.000 đồng, đồng thời được người thứ ba ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y tiếp tục thế chấp tài sản tại hợp đồng số 213A/TC, ngày 05/3/2012 để bảo lãnh cho khoản vay 600.000.000 đồng của ông Nam bằng 04 quyền sử dụng đất. Như vậy, tài sản đảm bảo chỉ có 1.300.000.000 đồng, còn thiếu 200.000.000 đồng là không phù hợp với khoản vay.

Tuy nhiên, theo ông N, bà M trình bày thì việc ông Nam vay khoản tiền 1.500.000.000 đồng với Ngân hàng N, chi nhánh H thì bà M không biết, không bảo lãnh khoản vay này, ông N không sử dụng số tiền này vào mục đích chung của gia đình, đồng thời ông bà xác định cũng không có phụ lục hợp đồng lập ngày

15/3/2013 để thế chấp 06 quyền sử dụng đất và cũng không có ký vào phụ lục hợp đồng này. Tại kết luận giám định số 02/PC09 ngày 14/01/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký mang tên Tổng Ngọc N và Tổng Thị Thanh M dưới mục “bên vay vốn, bên thế chấp” trong phụ lục hợp đồng thế chấp số 213/HĐTC/PL đề ngày 15/3/2013 so với chữ ký đứng tên Tổng Ngọc N và Tổng Thị Thanh M trong các mẫu so sánh là *không phải do cùng một người ký ra*. Như vậy, trong phụ lục hợp đồng thế chấp số 213/HĐTC/PL đề ngày 15/3/2013 không phải chữ viết, chữ ký của ông Nam, bà Mai, do đó phù hợp với ý kiến trình bày của ông Nam, bà Mai.

Vợ chồng ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y xác định vợ chồng ông bà chỉ bảo lãnh bằng tài sản của mình là 04 quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 213A/TC ngày 05/3/2012 đối với hợp đồng tín dụng của ông N, bà M vay Ngân hàng vào năm 2012 là 600.000.000 đồng và số nợ này ông N, bà M đã thanh toán xong cho Ngân hàng. Còn đối với hợp đồng tín dụng mà ông N vay Ngân hàng 1.500.000.000 đồng vào ngày 15/3/2013 thì vợ chồng ông K, bà Y không biết, không ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay và ngoài phạm vi bảo lãnh tài sản đảm bảo của ông bà nên không đồng ý việc Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của ông bà đối với hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013 giữa Ngân hàng với ông N. Xét ý kiến trình bày của ông K, bà Y là có cơ sở nên chấp nhận.

Đồng thời Phía Ngân hàng cũng không có chứng cứ chứng minh vợ chồng ông K, bà Y cũng như bà M có bảo lãnh khoản vay 1.500.000.000 đồng của ông N.

Do đó, hợp đồng tín dụng ký ngày 15/3/2013 giữa ông Tổng Ngọc N và Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk vay khoản tiền 1.500.000.0000 đồng có cơ sở để khẳng định là hợp đồng tín dụng không có tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: Trường hợp ông Tổng Ngọc N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý phần tài sản của ông Tổng Ngọc N trong khối tài sản chung với bà Tổng Thị Thanh M đã thế chấp theo hợp đồng số 213/TC, ngày 06/3/2012 bằng 06 quyền sử dụng đất là không đúng với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, hợp đồng thế chấp tài sản số 213/TC ngày 06/3/2012 không còn giá trị pháp lý và đã hết hiệu lực sau khi vợ chồng ông N, bà M thanh toán xong khoản nợ Ngân hàng năm 2012; còn hợp đồng tín dụng ký ngày 15/3/2013 giữa ông Tổng Ngọc N và Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk là không có tài sản thế chấp bảo đảm. Mặt khác, 06 quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung hợp nhất của ông N, bà M nhưng khi ông N vay vốn Ngân hàng thì không có sự đồng ý

của bà M là vi phạm quy định tại Điều 212, 213, 218 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ và khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, tài sản này không bảo đảm cho khoản nợ vay của ông N đối với hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013. Đồng thời, các quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông N, bà M và vợ chồng ông K, bà Y bảo lãnh thế chấp tại Ngân hàng vào năm 2012 là tài sản của hộ gia đình nhưng khi làm hợp đồng thế chấp không có sự đồng ý của các con của vợ chồng ông N, bà M và vợ chồng ông K, bà Y là ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Cho nên, việc Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng để xử lý phần tài sản của ông N để đảm bảo cho việc trả nợ là không có căn cứ và cần buộc Ngân hàng phải trả lại 06 quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông N, bà M là phù hợp.

Bản án sơ thẩm nhận định do vợ chồng ông Khải, bà Yến không có đơn yêu cầu độc lập nên không buộc Ngân hàng trả lại 04 quyền sử dụng đất cho ông K bà Y mà để giải quyết bằng một vụ án khác là không cần thiết, vì tài sản là 04 quyền sử dụng đất có liên quan vụ án này. Như đã nhận định ở trên do hợp đồng thế chấp tài sản số 213A/TC ngày 05/3/2012 của vợ chồng ông K, bà Y không còn hiệu lực do hợp đồng tín dụng đã thanh toán nợ xong nên cần phải buộc Ngân hàng trả lại 04 quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng ông K, bà Y là phù hợp.

Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Tống Ngọc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tống Thị Thanh M và không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk để sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo hướng đã phân tích ở trên, cụ thể chỉ buộc ông N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng, không xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông N, bà M và tài sản của vợ chồng ông K, bà Y; đồng thời không buộc vợ chồng ông K, bà Y trả nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông N, bà M không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Còn kháng cáo của Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn là ông Tống Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Tống Thị Thanh M.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn là Ngân hàng N, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk.

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 212, 213, 218, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N.

[1]. Về nợ và nghĩa vụ trả nợ:

[1.1]. Buộc bị đơn là ông Tống Ngọc N phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk tổng số tiền 3.135.153.472 đồng (Ba tỷ một trăm ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc 1.450.000.000 đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi 1.685.153.472 đ (Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng) đã tính đến ngày 04/4/2019 và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 05/4/2019 cho đến khi ông Tống Ngọc N trả xong khoản nợ theo mức lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013 với Ngân hàng N - chi nhánh Hòa Thắng, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là Ngân hàng N, về việc buộc ông Nguyễn Khắc K, bà Tống Thị Y phải thanh toán thay ông Tống Ngọc N số tiền 1.292.925.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), nợ lãi 692.925.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tính đến ngày 04/4/2019.

[2]. Về xử lý tài sản thế chấp có bảo đảm:

[2.1]. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 213/TC ngày 06/3/2012 giữa bên thế chấp ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 213/A ngày 05/3/2012 giữa ông Nguyễn Khắc K, bà

Tổng Thị Y với bên nhận thế chấp Ngân hàng N - chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu.

[2.2]. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng N, về việc xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 213A/TC ngày 05/3/2012 giữa ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y để thu hồi khoản nợ của ông Tổng Ngọc N theo hợp đồng tín dụng số 213/213/HĐTD ngày 15/3/2013.

[2.3]. Buộc Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ trả lại cho ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng số 213/TC, ngày 06/3/2012, gồm 06 quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 255773, thửa đất số 163, tờ bản đồ số 09 diện tích 360 m², được UBND huyện K cấp cho hộ ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M ngày 26/3/2008.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 119418, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 08 diện tích 4.930 m²; được UBND huyện K cấp cho ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M ngày 19/6/2008.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 380240, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 50 diện tích 15.620 m²; được UBND huyện K cấp cho ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M ngày 20/11/2008.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 119419, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 07 diện tích 6.620 m²; được UBND huyện K cấp cho ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M ngày 19/6/2008.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 119420, thửa đất số 138, tờ bản đồ số 08 diện tích 2.830 m²; được UBND huyện K cấp cho ông Tổng Ngọc N, bà Tổng Thị Thanh M ngày 19/6/2008.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 775323, thửa đất số 50a, tờ bản đồ số 50 diện tích 8.500 m²; được UBND huyện K cấp cho hộ ông Tổng Ngọc N, ngày 05/12/2003.

[2.4]. Buộc Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba theo hợp đồng số 213A/TC ngày 05/3/2012, gồm 04 quyền sử dụng đất tọa lạc xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 487663, thửa đất số 112a, tờ bản đồ số 48 diện tích 455m²; được UBND huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc K ngày 12/12/2001.

- Giấy CNQSD đất số AM 119415, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 diện tích 825m²; được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Khắc K, bà Tổng Thị Y ngày 24/12/2008.

- Giấy CNQSD đất số AM 294364, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 09 diện tích 260m²; được UBND huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc K ngày 24/12/2008

- Giấy CNQSD đất số AN 380241, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 50 diện tích 14.520m²; được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Khắc K, bà Tống Thị Y ngày 20/11/2008.

[3]. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M đối với yêu cầu Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã thanh toán.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Buộc Ngân hàng N phải trả cho ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M số tiền 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) là chi phí giám định.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

[5.1]. Bị đơn ông Tống Ngọc N phải chịu 94.703.000 đồng (Chín mươi bốn triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

[5.2]. Hoàn trả cho Ngân hàng N - chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk số tiền 39.315.000 đồng (Ba mươi chín triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2014/0038134, ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[5.3]. Hoàn trả cho ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố đã nộp theo biên lai thu số: AA/2014/0038187, ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[6]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

[6.1]. Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0010131, ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk đã nộp xong khoản tiền này.

[6.2]. Ông Tống Ngọc N, bà Tống Thị Thanh M không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[6.3]. Hoàn trả lại cho ông Tống Ngọc N số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu số: AA/2017/0010124, ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk và hoàn trả lại cho bà Tống Thị Thanh M số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

theo biên lai thu số: AA/2017/0010126, ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[7]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr